

Bản án số: 05/2024/HSST
Ngày: 26/01/2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ N VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK GLONG, TỈNH ĐẮK NÔNG

Với thành phần hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Trung Dũng

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Xuân Đức
2. Ông Lê Văn Lượng

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Nga – Thư ký Toà án nhân dân huyện ĐắK Glong.

Đại diện VKSND huyện ĐắK Glong tham gia phiên toà: Bà Cao Thị Thu Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 26/01/2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện ĐắK Glong mở phiên toà xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 01/2024/TLST-HS ngày 04/01/2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2024/QĐXXST-HS ngày 15/01/2024, đối với:

Bị cáo **Phan Phi H** (*Có mặt*), sinh năm 1991; tại tỉnh Đ; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở trước khi phạm tội: thôn A, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đ; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Phan Văn T (đã chết) và bà Phạm Thị P, sinh năm 1971, trú tại: thôn T, xã T, huyện L, tỉnh L; Gia đình bị cáo có 05 anh em và bị cáo là con đầu; bị cáo có vợ là Nguyễn Thị P, sinh năm 1995, trú tại thôn A, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đ; có 01 người con sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/11/2023, hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện ĐắK Glong, tỉnh ĐắK Nông.

Những người bị hại:

1. Anh Nguyễn Quốc N (*Vắng mặt*), sinh năm 1995

Địa chỉ: thôn A, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đ.

2. Anh Sùng Văn P (*Có mặt*), sinh năm 2001

Địa chỉ: thôn A, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đ

3. Anh Vũ Minh H (*VẮNG MẶT*), sinh năm 2000

Địa chỉ: thôn A, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đ

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Phùng Thị T (*VẮNG MẶT*), sinh năm 1984

Địa chỉ: thôn L, xã Đ, huyện Đ, tỉnh L.

2. Anh Phùng Văn T (*VẮNG MẶT*), sinh năm 1991

Địa chỉ: buôn P, xã K, huyện L, tỉnh Đ.

3. Anh Phạm Ngọc T (*VẮNG MẶT*), sinh năm 1988

Địa chỉ: số A, tổ dân phố Đ, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh L.

4. Chị Bùi Thị Kim P (*VẮNG MẶT*), sinh năm 1996

Địa chỉ: thôn A, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đ

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong quá trình làm ăn kinh doanh tại thôn A, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đ, không thuận lợi dẫn đến Phan Phi H nợ tiền hàng hóa của nhiều người không có khả năng trả nợ, nên H nảy sinh ý định tìm người quen, đưa ra thông tin gian dối là mượn xe mô tô đi công việc rồi mang đi cầm cố cho người khác, lấy tiền tiêu xài. Với thủ đoạn như trên, H đã 03 lần thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác, cụ thể như sau:

Khoảng 17 giờ ngày 06/6/2023, H gặp anh Nguyễn Quốc N (*sinh năm 1995, trú tại thôn A, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đ*) hỏi mượn xe mô tô để đi công việc và được anh N đồng ý. Khoảng 20 giờ cùng ngày, anh N điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Vision BKS 61F1 - 340.25 (*xe do chị Bùi Thị Kim P, vợ anh N đứng tên trên giấy đăng ký*) đến giao cho H tại nhà H. Do có ý định sau khi mượn được xe mô tô của anh N thì H sẽ mang đi cầm cố, nên H đưa ra lý do sợ trên đường đi gặp Cảnh sát giao thông kiểm tra, để mượn luôn giấy đăng ký xe, nhưng do chị P giữ giấy tờ xe nên anh N không có để cho H mượn. Sau khi được anh N giao xe mô tô, H điều khiển xe đến cửa hàng của chị Phùng Thị T (*sinh năm 1984, là người quen với H*) ở thôn L, xã Đ, huyện Đ, tỉnh L nói dối chị T là đã được chủ xe đồng ý cho mượn xe để cầm cố, nên chị T đã đồng ý cầm cố xe mô tô này cho H với số tiền 10.000.000 đồng trong thời gian 03 ngày (*hai bên không có giấy tờ, chỉ thỏa thuận miệng*). Số

tiền này H trả nợ và tiêu xài hết, nên H nảy sinh ý định mượn xe mô tô của người khác, đem đi cầm cố lấy tiền chuộc xe mô tô trả lại cho anh N.

Khoảng 17 giờ ngày 09/6/2023, anh Sùng Văn P (*Sinh năm 2001; trú tại: thôn A, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đ*) đến cửa hàng của H mua giày đá bóng, H nói dối và hỏi mượn xe của anh P để đi về nhà bố mẹ ở huyện L, tỉnh L giải quyết công việc trong thời gian 01 ngày. Để đạt được mục đích, H hứa tặng cho anh P đôi giày đá bóng thì anh P đồng ý cho H mượn xe mô tô. Khoảng 18 giờ cùng ngày, H cùng đi đá bóng chung với anh P và tiếp tục đưa ra thông tin gian dối sợ trên đường đi gặp Cảnh sát giao thông kiểm tra, để mượn luôn giấy đăng ký xe. Khoảng 22 giờ cùng ngày, H nhờ anh Sùng Văn Tu (*sinh năm 2006, trú tại: thôn A, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đ*) chở đến nhà anh P. Tại đây, anh P giao xe mô tô nhãn hiệu Honda Winer X, BKS 48G1 - 053.54 cùng giấy tờ xe cho H. Sau đó H điều khiển xe mô tô của P đến cửa hàng cầm đồ 39 do Phùng Văn T (*sinh năm 1991, trú tại: Buôn P, xã K, huyện L, tỉnh Đ*) làm chủ. Tại đây, H đưa giấy tờ xe mô tô mang tên P và 01 giấy phép lái xe hạng A1 mang tên mình, cho anh T xem rồi hai bên thống nhất làm phiếu biên nhận cầm cố với số tiền 22.000.000 đồng, trong 30 ngày, kể từ ngày 09/6/2023. Số tiền này H sử dụng 2.000.000 đồng để tiêu xài cá nhân, còn 20.000.000 đồng H nộp vào số tài khoản số 0969375379 của H mở tại Ngân hàng M và sử dụng vào việc đánh bạc trên mạng Internet hết.

Khoảng 20 giờ ngày 10/6/2023, H đi bộ đến nhà anh Vũ Minh H (*sinh năm 2000, trú tại thôn A, xã Q*) là hàng xóm ở đối diện nơi ở của H, nói dối và hỏi mượn xe mô tô của anh H để đi về L có đám giỗ, hẹn 1 đến 2 ngày sẽ trả lại xe mô tô cho anh H. Sau khi được anh H cho mượn xe mô tô nhãn hiệu Suzuki Satria F150, BKS 48B1 - 708.16 cùng giấy tờ xe cho H. Đến khoảng 15 giờ ngày 11/6/2023, H điều khiển xe mô tô của H đến cửa hàng cầm đồ 79 tại số nhà 140, tổ dân phố Đ, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh L do anh Phạm Ngọc T (*sinh năm 1988*) làm chủ để cầm cố. Tại đây, H đưa giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô đứng tên H và chứng minh nhân dân bản gốc mang tên mình cho anh T xem thì anh T đồng ý nhận cầm cố. Hai bên thỏa thuận cầm cố xe mô tô trên với số tiền 22.000.000 đồng, thời hạn cầm kể từ ngày 11/6/2023 đến ngày 20/6/2023, số tiền này H đã tiêu xài cá nhân và đánh bạc trên mạng Internet hết. Sau đó, H bỏ đi khỏi địa P và trốn tránh việc trả lại xe mô tô cho anh N, anh P và anh H. Đến ngày 27/6/2023, anh N gọi điện được cho H thì H thừa nhận đã mang xe mô tô của anh N đi cầm cố và chỉ cho anh N biết địa chỉ đã cầm cố xe, để anh N chuộc xe. Còn anh P và anh H không liên lạc được với H. Sau đó anh N, anh P và anh H trình báo vụ việc với Công an xã Q, huyện Đ, tỉnh Đ. Đến ngày 13/11/2023, H đang lẩn trốn tại địa bàn phường T, thành phố D, tỉnh B thì bị Cơ quan CSĐT Công an huyện Đắk Glong phát hiện, bắt giữ.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đăk Glong đã thu giữ các tài liệu, đồ vật: 01 xe mô tô BKS 48G1 - 053.54, nhãn hiệu Honda Winer X, màu đỏ - đen của anh Sùng Văn P; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô mang tên Sùng Văn P; 01 giấy biên nhận cầm cố tài sản của cửa hàng cầm đồ 39 với Phan Phi H; 01 giấy phép lái xe hạng A1 mang tên Phan Phi H, do anh Phùng Văn T giao nộp. 01 xe mô tô nhãn hiệu Suzuki Satria F150, màu trắng - đỏ - đen, BKS 48B1 - 708.16; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô mang tên Vũ Minh H; 01 giấy biên nhận cầm cố tài sản của cửa hàng cầm đồ 79 với Phan Phi H; 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Phan Phi H, do anh Phạm Ngọc T giao nộp. 01 căn cước công dân mang tên Phan Phi H, do chị Phùng Thị T giao nộp. Đối với xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision, màu cam đen BKS 61F1 - 340.25, Nguyễn Quốc N đã tự chuộc lại xe về sử dụng nên Cơ quan Cảnh sát Công an huyện Đăk Glong không tạm giữ.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 25/KL-HĐĐGTS ngày 10/8/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Đăk Glong kết luận: Xe mô tô nhãn hiệu Vision, màu sơn cam - đen, biển kiểm soát 61F1 - 340.25, số khung 5811GY422433, số máy JF66E0397355, tại thời điểm tháng 6 năm 2023, có giá trị là: 19.666.667 đồng; Xe mô tô nhãn hiệu Honda Winer X, màu đỏ - đen, biển kiểm soát 48G1 - 053.54, số khung RLHCKC4414NY212600, số máy KC34E5051306, tại thời điểm tháng 6 năm 2023, có giá trị là: 23.000.000 đồng; Xe mô tô nhãn hiệu Suzuki Satria F150, màu trắng - đỏ - đen, biển kiểm soát 48B1 - 708.16, số khung MH8DL11ANMJ114545, số máy CGA1614927, tại thời điểm tháng 6 năm 2023, có giá trị là: 27.666.667 đồng. Tổng giá trị các tài sản mà bị cáo Phan Phi H đã chiếm đoạt là 70.333.333 đồng.

Tại bản cáo trạng số: 04/CTr-VKS ngày 03 tháng 01 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Glong đã truy tố bị cáo Phan Phi H về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 2 Điều 174 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Phan Phi H đã khai nhận hành vi phạm tội của mình đúng như bản cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Glong đã truy tố. Bị cáo đồng ý bồi thường toàn bộ số tiền theo yêu cầu của những người có quyền lợi, N vụ liên quan đến vụ án (với tổng số tiền là 53.3000.000 đồng). Tại phần tranh luận, bị cáo cho rằng về tội danh là đúng, không oan nhưng bị cáo phạm tội lần đầu, nhân thân tốt, bị cáo có mang tài sản của bị hại đi cầm và bỏ đi làm ăn ở Bình Dương mục đích khi nào có tiền sẽ chuộc lại trả cho các bị hại nên mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện đề nghị áp dụng đối với bị cáo từ 02 năm 06 tháng tù đến 03 năm tù là nặng và quá nghiêm khắc; ngoài ra bị cáo không có ý kiến hay tranh luận gì thêm; khi được nói lời sau cùng bị cáo thấy hối hận về những việc mà mình đã làm, xin lỗi các bị hại và người có quyền lợi, N vụ liên quan và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Glong, tỉnh Đăk Nông sau khi phân tích tính chất vụ án, chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo, cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo, đã giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Phan Phi H về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật hình sự và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về tội danh và hình phạt: Tuyên bố bị cáo Phan Phi H phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174, điểm g khoản 1 Điều 52, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Phan Phi H mức án tù từ 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù đến 03 (Ba) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 13/11/2023.

- Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 46, Điều 47 của Bộ luật hình sự đề nghị:

Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đăk Glong đã ra quyết định xử lý vật chứng số 37/QĐ-CQĐT ngày 15/12/2023 trả lại 01 xe mô tô BKS 48G1 - 053.54, nhãn hiệu Honda Winer X, màu đỏ - đen và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô cho anh Sùng Văn P; 01 xe mô tô nhãn hiệu Suzuki Satria F150, màu trắng - đỏ - đen, BKS 48B1 - 708.16 và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô cho anh Vũ Minh H là những chủ sở hữu hợp pháp; trả lại cho Phan Phi H 01 căn cước công dân, 01 giấy phép lái xe hạng A1 và 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Phan Phi H.

Tiếp tục tạm giữ và lưu 02 giấy biên nhận cầm cố cùng với hồ sơ vụ án để đảm bảo quá trình giải quyết vụ án.

Đối với xe mô tô Honda Vision màu cam đen BKS 61F1-340.25 anh Nguyễn Quốc N đã tự chuộc lại xe về sử dụng và Cơ quan CSĐT Công an huyện Đăk Glong không thu giữ nên không xem xét.

- Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 584 và Điều 589 của Bộ luật dân sự: Anh Nguyễn Quốc N, Sùng Văn P và Vũ Minh H đã nhận lại tài sản nên không yêu bồi thường gì. Chị Phùng Thị T yêu cầu bị cáo H trả lại số tiền 8.000.000 đồng, anh PH Văn T yêu cầu H trả lại số tiền 23.300.000 đồng, anh Phạm Ngọc T yêu cầu H trả lại số tiền 22.000.000 đồng. Tổng cộng bị cáo phải bồi thường cho người có quyền lợi, N vụ liên quan với số tiền là 53.300.000 đồng (*Năm mươi ba triệu ba trăm nghìn đồng*).

- Về án phí sơ thẩm: Bị cáo phải nộp 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự và 2.665.000 đồng (*Hai triệu sáu trăm sáu mươi lăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự.

Ý kiến của những người bị hại và người có quyền lợi, N vụ liên quan: tại giai đoạn điều tra anh Nguyễn Quốc N (người bị hại) không yêu cầu bị cáo phải bồi thường, đồng thời có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; những người bị hại khác đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bị cáo bồi thường; Chị Phùng Thị T (người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan) yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 8.000.000 đồng, anh Phùng Văn T (người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan) yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 23.300.000 đồng, anh Phạm Ngọc T (người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan) yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 22.000.000 đồng; tại phiên tòa anh Sùng Văn P đã nhận lại tài sản và không hư hỏng gì nên không yêu cầu gì, những người bị hại khác và người có quyền lợi, N vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa nên không có ý kiến gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên; lời khai của bị cáo; lời khai của người tham gia tố tụng khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Đăk Glong, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Glong, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc KH nại về hành vi, quyết định của Cơ quan T hành tố tụng, người có thẩm quyền T hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan T hành tố tụng, người T hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]Tại phiên tòa, bị cáo Phan Phi H cũng đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện cơ bản đúng như diễn biến sự việc theo bản cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Glong đã truy tố, lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, N vụ liên quan, vật chứng thu giữ, các chứng cứ, tài liệu thu thập có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa.

[3]Hội đồng xét xử xét thấy: Do công việc kinh doanh không thuận lợi dẫn đến Phan Phi H nợ tiền hàng hóa của nhiều người không có khả năng trả nợ, nên H đã dùng thủ đoạn gian dối là mượn xe mô tô để đi công việc làm cho anh Nguyễn Quốc N, Sùng Văn P và Vũ Minh H tin tưởng giao xe mô tô cho H. Với thủ đoạn như trên, H đã 03 lần chiếm đoạt tài sản của người khác rồi mang đi cầm

cổ, cụ thể: Ngày 06/6/2023, chiếm đoạt 01 xe mô tô nhãn hiệu Vision, màu sơn cam - đen, biển kiểm soát 61F1 - 340.25 của anh N trị giá 19.666.667 đồng; Ngày 09/6/2023, chiếm đoạt 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Winer X, màu đỏ - đen, biển kiểm soát 48G1 - 053.54 của anh P trị giá 23.000.000 đồng; Ngày 10/6/2023, chiếm đoạt 01 xe mô tô nhãn hiệu Suzuki Satria F150, màu trắng - đỏ - đen, biển kiểm soát 48B1 - 708.16 của anh H trị giá 27.666.667 đồng. Tổng giá trị tài sản mà bị cáo H đã chiếm đoạt là 70.333.333 đồng (*Bảy mươi triệu ba trăm ba mươi ba ngàn ba trăm ba mươi ba đồng*). Bị cáo nhận thức được việc dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện, hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, tổng giá trị tài sản đã chiếm đoạt là 70.333.333 đồng; hành vi này là nguy hiểm cho xã hội; bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự đầy đủ nên hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Điều 174. Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản:

“1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

...

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

....

c) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng;”

[4] Hành vi mà bị cáo đã thực hiện thuộc trường hợp nghiêm trọng. Hành vi này đã xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, thể hiện sự liều lĩnh, coi thường pháp luật, hành vi này đã làm ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an nơi bị cáo thực hiện hành vi phạm tội, do đó cũng cần xử phạt bị cáo mức hình phạt nghiêm tương xứng với tính chất, mức độ và hậu quả do hành vi phạm tội bị cáo đã gây ra.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Trong thời gian từ ngày 06/6/2023 đến ngày 10/6/2023, bị cáo đã 3 lần thực hiện hành vi lừa đảo, chiếm đoạt tài sản, tổng giá trị các tài sản đã chiếm đoạt là 70.333.333 đồng và các lần chiếm đoạt tài sản đều đủ yếu tố cấu thành tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng “Phạm tội 02 lần trở lên” theo điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

[6]Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi của mình. Bị cáo được người bị hại (anh Nguyễn Quốc N) có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[7]Về nhân thân: Tiền án, tiền sự không; nhân thân tốt.

[8]Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy vẫn cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định thì mới có tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo thành công dân có ích cho gia đình và xã hội; có tác dụng răn đe phòng ngừa chung trong xã hội.

[9]Về trách nhiệm dân sự: Những người bị hại đã nhận lại tài sản, không bị hư hỏng gì nên không yêu cầu bị cáo bồi thường. Trong quá trình điều tra, người có quyền lợi, N vụ liên quan yêu cầu bị cáo Phan Phi H phải bồi thường tổng số tiền đã chiếm đoạt là 53.300.000 đồng (*Năm mươi ba triệu ba trăm nghìn đồng*). Tại phiên tòa, bị cáo Phan Phi H đồng ý bồi thường toàn bộ cho những người có quyền lợi, N vụ liên quan theo yêu cầu. Căn cứ Điều 48 của Bộ luật hình sự và Điều 584, Điều 589 của Bộ luật dân sự thì những yêu cầu này là phù hợp và bị cáo cũng đồng ý bồi thường toàn bộ số tiền này nên cần buộc bị cáo phải bồi thường cho chị Phùng Thị T số tiền 8.000.000 đồng, anh Phùng Văn T số tiền 23.300.000 đồng và anh Phạm Ngọc T số tiền 22.000.000 đồng; Tổng số tiền bị cáo phải bồi thường cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là 53.300.000 đồng (*Năm mươi ba triệu ba trăm nghìn đồng*).

[10]Về vật chứng vụ án: Căn cứ vào Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 46, Điều 47 của Bộ luật hình sự:

Việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đăk Glong đã thu giữ và ra quyết định xử lý vật chứng số 37/QĐ-CQĐT ngày 15/12/2023 trả lại 01 xe mô tô BKS 48G1 - 053.54, nhãn hiệu Honda Winer X, màu đỏ - đen và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô cho anh Sùng Văn P; 01 xe mô tô nhãn hiệu Suzuki Satria F150, màu trắng - đỏ - đen, BKS 48B1 - 708.16 và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô cho anh Vũ Minh H là những chủ sở hữu hợp pháp; trả lại cho Phan Phi H 01 căn cước công dân, 01 giấy phép lái xe hạng A1 và 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Phan Phi H là phù hợp nên cần chấp nhận.

Đối với xe mô tô Honda Vision màu cam đen BKS 61F1-340.25 anh Nguyễn Quốc N đã tự chuộc lại xe về sử dụng và Cơ quan CSĐT Công an huyện Đăk Glong không thu giữ nên không xem xét.

Đối với 02 giấy biên nhận cầm cố lưu cùng với hồ sơ vụ án cần tiếp tục tạm giữ và lưu cùng hồ sơ vụ án, để đảm bảo quá trình giải quyết vụ án.

[11]Về án phí hình sự: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Điều 23, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Do bị cáo bị kết án nên bị cáo phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và bị cáo phải bồi thường cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan với tổng số tiền là 53.300.000 đồng nên bị cáo phải nộp 2.665.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm (53.300.000 đồng x 5%).

[12]Xét quan điểm, đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên toà là có căn cứ, đúng người, đúng tội và phù hợp với các quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh và hình phạt:

Tuyên bố bị cáo Phan Phi H phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Áp dụng điều c khoản 2 Điều 174, điểm g khoản 1 Điều 52, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015: Xử phạt bị cáo Phan Phi H 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 13/11/2023.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 584 và Điều 589 của Bộ luật dân sự năm 2015: Buộc bị cáo Phan Phi H phải bồi thường cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan với tổng số tiền là 53.300.000 đồng (*Năm mươi ba triệu ba trăm nghìn đồng*), trong đó: bồi thường cho chị Phùng Thị T số tiền 8.000.000 đồng (*Tám triệu đồng*), bồi thường cho anh Phùng Văn T số tiền 23.300.000 đồng (*Hai mươi ba triệu ba trăm nghìn đồng*) và bồi thường cho anh Phạm Ngọc T số tiền 22.000.000 đồng (*Hai mươi hai triệu đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về vật chứng vụ án: Điều 46 và Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đăk Glong đã ra quyết định xử lý vật chứng số 37/QĐ-CQĐT ngày 15/12/2023 trả lại 01 xe mô tô BKS 48G1 - 053.54, nhãn hiệu Honda Winer X, màu đỏ - đen và 01 giấy chứng

nhận đăng ký xe mô tô cho anh Sùng Văn P; 01 xe mô tô nhãn hiệu Suzuki Satria F150, màu trắng - đỏ - đen, BKS 48B1 - 708.16 và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô cho anh Vũ Minh H là những chủ sở hữu hợp pháp; trả lại cho Phan Phi H 01 căn cước công dân, 01 giấy phép lái xe hạng A1 và 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Phan Phi H.

Tiếp tục tạm giữ và lưu cùng hồ sơ vụ án 02 giấy biên nhận cầm cố, để đảm bảo việc giải quyết vụ án.

4. Về án phí hình sự và dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo Phan Phi H phải nộp 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 2.665.000 đồng (*Hai triệu sáu trăm sáu mươi lăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo và người bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại và người có quyền lợi, N vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án (hoặc phần liên quan đến quyền lợi và lợi ích của mình), trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- Sở Tư pháp tỉnh Đ;
- VKSND huyện Đắk Glong (02);
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Công an huyện Đắk Glong
(Đội điều tra, Bộ phận NVHS,
Đội THAHS);
- Bị cáo, người bị hại, người liên quan;
- Lưu: HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Trung Dũng